**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN**
**TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2024/HNGĐ -ST
Ngày: 02/02/2024
*Về việc "Xin ly hôn"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN, TỈNH VĨNH LONG**

*-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*
*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Thành Tựu
*Các Hội thẩm nhân dân:*
1/ Ông Lê Minh Thư
2/ Ông Trần Ngọc Đức

*Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Hữu Trí, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Lon

*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân không thuộc trường hợp tham gia phiên tòa.*

Ngày 02 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân. Tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 221/2023/TLST – HNGĐ ngày 16/11/2023, về việc: "Tranh chấp ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 7A/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1974 (có mặt)
Cư trú: Tổ B, ấp A, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.
- Bị đơn: Anh Phan Thanh T1, sinh năm 1973 (xin vắng mặt)
Cư trú: Tổ 2, ấp A, xã T, huyện B, Vĩnh Long.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện và bản khai đề ngày 15/11/2023 nguyên đơn Nguyễn Thị T trình bày:

Vào năm 1993, chị Nguyễn Thị T và anh Phan Thanh T1 cưới nhau, hôn nhân do quen biết, tìm hiểu trước và tiến tới hôn nhân, cha mẹ hai bên đồng ý. Chúng tôi có tổ chức lễ cưới. Vợ chồng anh chị đến Ủy ban nhân dân xã Tân An Thạnh, huyện Bình Minh (nay là huyện Bình Tân), tỉnh Vĩnh Long đăng ký kết hôn vào năm 1998 nhưng theo công văn số 824 ngày 13/10/2023 của Phòng Tư pháp huyện Bình Tân thì Phòng Tư pháp huyện Bình Tân không cấp bản sao trích lục kết hôn cho chị được với lý do không lưu trữ hồ sơ, do đó chị không thể cung cấp giấy chứng nhận kết hôn cho Toà án. Xem như vợ chồng chị và anh T1 không có đăng ký kết hôn

Sau ngày cưới vợ chồng sống tại ấp A, xã T, huyện B nay là huyện B, Vĩnh Long. Vợ chồng sống rất hạnh phúc được 10 năm và có sinh được 01 con chung tên Phan Thanh H, sinh ngày 19/02/1994, đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: trong thời gian chung sống vợ chồng không có tạo ra tài sản chung. Vợ chồng không thiếu nợ ai.

Về mâu thuẫn gia đình: Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, tuy nhiên về sau vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, thường xuyên cãi vã với nhau. Vợ chồng đã nhiều lần khuyên bảo nhau thay đổi để hàn gắn tình cảm gia đình nhưng đều không thành từ đó đời sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Hiện mỗi người đều có cuộc sống riêng không ai quan tâm đến ai nên chị T xin ly hôn anh T1. Chị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Chị Nguyễn Thị T xin ly hôn với anh Phan Thanh T1. Về con chung: Phan Thanh H, sinh ngày 19/02/1994, đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về quan hệ tài sản: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Anh Phan Thanh T1 trình bày: Qua lời trình bày của chị T về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, mâu thuẫn gia đình là đúng.

Thời gian lâu quá nên anh T1 không nhớ là có đăng ký kết hôn hay không nữa. Nhưng Ủy ban nhân dân xã Tân An Thạnh, huyện Bình Tân xác nhận anh T1 và T không đăng ký kết hôn thì anh đồng ý.

Nay chị T yêu cầu ly hôn thì anh T1 có ý kiến như sau:

Chị Nguyễn Thị T xin ly hôn với anh T1 thì anh đồng ý. Về con chung: Phan Thanh H, sinh ngày 19/02/1994, đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về quan hệ tài sản: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

Từ nay về sau anh T1 xin vắng mặt tất cả các phiên toà xét xử sơ thẩm cũng như phúc thẩm. anh T1 vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trên là đồng ý ly hôn chị T.

* Tại phiên toà hôm nay:

* Chị T trình bày yêu cầu như đơn khởi kiện là xin anh ly hôn anh T1

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo nội dung đơn khởi kiện, bảng tự khai của nguyên đơn cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có sơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Xin ly hôn" được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có nơi cư trú tại xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long và có mặt tại địa phương do đó căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

[2] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Bình Tân tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 1993, chị Nguyễn Thị T và anh Phan Thanh T1 cưới nhau, hôn nhân do quen biết, tìm hiểu trước và tiến tới hôn nhân, cha mẹ hai bên đồng ý. Anh chị có tổ chức lễ cưới. Vợ chồng không có đăng ký kết hôn đây là hôn nhân không hợp pháp. Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, tuy nhiên về sau vợ chồng thường phát sinh mâu thuẩn, bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, thường xuyên cãi vã với nhau. Anh chị không dung hòa được tình cảm vợ chồng, không hàn gắn được hạnh phúc gia đình. Chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc nữa, mục đích hôn nhân không đạt được do đó chị T không còn mong muốn cùng anh T1 xây dựng một gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, bền vững. Nên chị T xin ly hôn. Xét thấy chị T và anh T1 có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân gia đình nhưng anh chị chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Do đó xét yêu cầu của chị T là có cơ sở nên áp dụng Điều 14, 51, 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận. Tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị Nguyễn Thị T và anh Phan Thanh T1 là vợ chồng.

[4]Xét về con chung: Trong thời gian chung sống chị Nguyễn Thị T và anh Phan Thanh T1 có sinh được có sinh được 01 đứa con chung tên Phan Thanh H, sinh ngày 19/02/1994, đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về quan hệ tài sản: trong thời gian chung sống chị Nguyễn Thị T và anh Phan Thanh T1 không có tạo ra tài sản chung. Vợ chồng không thiếu nợ ai. Do đó chị Nguyễn Thị T không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quãn lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chị Nguyễn Thị T nộp 300.000 đồng, chị T được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số N$_{o}$ 0013195 ngày 15/11/2023 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 14, 51, 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quãn lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị T

1/ Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị Nguyễn Thị T và anh Phan Thanh T1 là vợ chồng.

2/ Về con chung: không yêu cầu Toà giải quyết. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3/ Về quan hệ tài sản: không tranh chấp, không yêu cầu Tòa giải quyết. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4/ Về án phí Hôn nhân sơ thẩm:

- Chị Nguyễn Thị T nộp 300.000 đồng, chị T được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số N$_o$ 0013195 ngày 15/11/2023 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân thu.

5/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6/ Án xử công khai chị Nguyễn Thị T có mặt biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh Phan Thanh T1 xin vắng mặt biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết tại Uỷ ban nhân dân nơi thường trú.

***Nơi nhận:***
- TAND Tỉnh;
- VKS Huyện;
- THA huyện;
- UBND xã Tân An Thạnh, Huyện Bình Tân, Vĩnh Long;
- các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**( Đã ký )**

**Phạm Thành Tựu**